

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thanh.

2. Bà Vi Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNHD ngày 18/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Quốc K, sinh năm 1965. Căn cước công dân số 020065000842, do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công An cấp ngày 25/4/2021. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nông Thị T, sinh năm 1970. Căn cước công dân số 020170004740, do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công An cấp. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, ông Trịnh Quốc K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Quốc K và bà Nông Thị T có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện lấy nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục, tập quán tại địa phương từ năm 1993. Sau khi có con chung, đến ngày 29/4/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Tuấn Sơn, tỉnh Lạng Sơn) theo quy

định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do **vợ không tập trung làm ăn, không tin tưởng, hay ghen tuông vô cớ - không có căn cứ và luôn có những lời nói xúc phạm đến danh dự của chồng, nên bất đồng quan điểm mọi vấn đề trong cuộc sống**. Từ năm 2012, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, cãi nhau nên đã quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay; nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông Trịnh Quốc K và bà Nông Thị T có 04 người con chung là chị Trịnh Thanh H, sinh ngày 23/9/1994; chị Trịnh Bích T, sinh ngày 21/6/1998; chị Trịnh Quế L, sinh ngày 03/01/2005 và chị Trịnh Anh Q, sinh ngày 26/7/2006. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nông Thị T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành; Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng cho **con gái ruột bà Nông Thị T là Trịnh Bích T** và tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; niêm yết các văn bản tố tụng; mở phiên họp, phiên toà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án; Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Quốc K về việc ly hôn với bà Nông Thị T.

Về con chung: 04 người con chung đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lạng Sơn.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, biên bản xác minh mâu thuẫn, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định ông Trịnh Quốc K và bà Nông Thị T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2010 theo nguyên đơn trình bày là do bất đồng về quan điểm sống trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau; người vợ ghen tuông vô cớ, từ đó có lời nói và hành động xúc phạm danh dự của người chồng trong suốt thời gian dài; đỉnh điểm vào năm 2012, vợ chồng cãi nhau, xích mích nên cả hai đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 26/8/2025 có xác nhận của chính quyền địa phương đối với con gái ruột là chị Trịnh Bích T, đã trình bày về việc ông Trịnh Quốc K và bà Nông Thị T có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, **từ năm 2012 bố khác ở nhà riêng, mẹ ở cùng 04 người con gái; không ai còn quan tâm đến cuộc sống nhau, chỉ còn quan tâm đến các con.** Ngoài ra chị Trịnh Bích T cho biết vẫn liên lạc với mẹ qua điện thoại, khi nhận được các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, chị đã thông báo thì bà Nông Thị T có nói là nhất trí ly hôn nhưng do bận việc nên bà không về được và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong một thời gian dài, kể từ khi ly thân bản thân vợ chồng không còn có thiện chí hòa giải mâu thuẫn gia đình, khi chồng khởi kiện xin ly hôn cũng không tích cực phối hợp để hòa giải

đoàn tụ gia đình và cũng không đưa ra được căn cứ, biện pháp hóa giải mâu thuẫn, để đoàn tụ gia đình.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung không tồn tại khoảng 13 năm, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[8] *Về con chung*: Vợ chồng có 04 người con chung đều đã trưởng thành; đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn xác định không có và các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho ông Trịnh Quốc K được ly hôn với bà Nông Thị T.

(Đăng ký kết hôn số 25, ngày 29/4/2005, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn)

2. Con chung.

Ông Trịnh Quốc K và bà Nông Thị T có 04 người con chung là chị Trịnh Thanh H, sinh ngày 23/9/1994; chị Trịnh Bích T, sinh ngày 21/6/1998; chị Trịnh Quế L, sinh ngày 03/01/2005 và chị Trịnh Anh Q, sinh ngày 26/7/2006. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí.

Ông Trịnh Quốc K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; xác nhận ông Trịnh Quốc K đã thi hành, nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005094 ngày 11/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lạng Sơn).

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- đương sự:.....;
- Lưu Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường